

## **TỪ SƠ THẢO LẦN THỨ NHẤT NHỮNG LUẬN CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA CỦA V.I. LÊNIN ĐẾN “CHỦ NGHĨA DÂN TỘC” HỒ CHÍ MINH**

**ĐINH NGỌC THẠCH\***  
**LÊ THỊ MINH THY\*\***

*Việc tiếp cận với bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin có ý nghĩa đặc biệt đối với sự lựa chọn chính trị của Nguyễn Ái Quốc vào cuối năm 1920 tại Đại hội Tours. Đó là sự lựa chọn có tính chất sống còn, quyết định con đường cách mạng Việt Nam sau này. Sự nhạy bén và bản lĩnh chính trị đã tạo nên một Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với chủ thuyết phát triển đáp ứng yêu cầu của dân tộc là đánh đuổi thực dân Pháp và tiến lên chủ nghĩa xã hội.*

*Một số nhà nghiên cứu trong và ngoài nước nói về “chủ nghĩa dân tộc” Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, đó không phải là thứ chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, hay chủ nghĩa dân túy, mà là sự kết tinh những giá trị dân tộc và thời đại trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin. Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về đề cao lợi ích dân tộc, xem đó là điều kiện, cơ sở để giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội, đồng thời mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam kiên trì đường lối đổi mới, tích cực và chủ động hội nhập, qua đó thể hiện một cách hài hòa biện chứng lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại trong một thế giới mở, thế giới “phẳng”, nhưng hết sức phức tạp như hiện nay.*

*Từ khóa: Lênin, Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam, chủ nghĩa dân tộc, hội nhập  
Nhận bài ngày: 19/5/2020; đưa vào biên tập: 20/5/2020; phản biện: 01/6/2020;  
duyet dang: 24/6/2020*

### **1. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX được

xem là thời kỳ quá độ của lịch sử tư tưởng Việt Nam. Trong sự tồn tại, đan xen cái cũ và cái mới, cái thuộc về quá khứ và cái mở hướng cho tương lai, việc hình thành nhiều phương án, nhiều học thuyết về con đường,

\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,  
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

\*\* Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại.

phương thức đấu tranh giải phóng dân tộc và cải cách xã hội đã trở thành hiện tượng phổ biến trong đời sống chính trị - xã hội. Tuy nhiên, sự ám ảnh của “quả núi truyền thống”<sup>(1)</sup> (C. Mác và Ph. Ăngghen, 2005, tập 8: 145) đã khiến cho các phong trào yêu nước lần lượt thất bại. Trong bối cảnh lịch sử đó, bằng sự nhạy bén và bản lĩnh của mình, Nguyễn Tất Thành đã lựa chọn hướng đi mới trong công cuộc tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc với ý tưởng ban đầu là “xem xét, học hỏi nước Pháp và các nước khác để trở về giúp đồng bào mình”.

Việc tìm hiểu bước chuyển tư tưởng và sự lựa chọn chính trị của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc trong quá trình bôn ba tìm đường cứu nước, từ việc tiếp cận với *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* (dưới đây gọi tắt là “Sơ thảo”) của V.I. Lênin đến sự hình thành “chủ nghĩa dân tộc” đặc trưng của Người có ý nghĩa to lớn trong điều kiện hiện nay. *Thứ nhất*, Việt Nam đang đẩy mạnh hội nhập, chủ trương làm bạn với tất cả nhưng không đánh mất cái Tôi dân tộc, trong đó có những yếu tố đặc thù về hệ giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán và tâm lý dân tộc. *Thứ hai*, trong quá trình phát triển đất nước, hướng đến mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, chúng ta lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm định hướng cơ bản, do đó việc tìm hiểu cách tiếp cận của Nguyễn Ái

Quốc về “Sơ thảo” của V.I. Lênin và xác định con đường cách mạng Việt Nam trong điều kiện chính trị phức tạp vào đầu thế kỷ XX có ý nghĩa phương pháp luận to lớn. *Thứ ba*, tìm hiểu “Sơ thảo” của V.I. Lênin và sự lựa chọn chính trị của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình tiếp nhận tác phẩm đó có tác dụng thiết thực trong cuộc đấu tranh chống lại những biểu hiện sai lầm, cực đoan trong việc giải quyết mối quan hệ giữa lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại trong thời đại hiện nay.

## **2. SƠ THẢO LẦN THỨ NHẤT NHỮNG LUẬN CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA CỦA LÊNIN VÀ SỰ LỰA CHỌN CHÍNH TRỊ CỦA NGUYỄN ÁI QUỐC**

Bước chuyển tư tưởng Việt Nam vào đầu thế kỷ XX gắn liền với sự nhận thức lại và sự thử nghiệm các phương án tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc, cải cách xã hội. Ý thức hệ Nho gia, được triều đình nhà Nguyễn sùng bái đã không còn thích hợp. Nho gia dưới triều Nguyễn trở thành lực cản đối với sự phát triển đất nước. Hàng loạt tư tưởng cải cách do Phan Phú Thứ (1821 - 1882), Nguyễn Trường Tộ (1830 - 1871) nêu ra đã bị chìm vào quên lãng, khiến đất nước bỏ qua cơ hội mở rộng giao lưu với thế giới bên ngoài, cải cách xã hội theo hướng mở. Những bản điều trần, những dự án canh tân đất nước của Nguyễn Trường Tộ không được đón nhận như tư tưởng của Fukuzawa Yukichi tại Nhật Bản, bởi lẽ đứng đầu đất nước là một ông vua nặng óc sùng Nho, bài

Thiên Chúa giáo. Sự thất bại của phong trào Cần vương theo tinh thần “vua còn nước còn”, “trung quân ái quốc” là tiếng nói cuối cùng của các sĩ phu yêu nước. Sự nhận thức lại này tạo nên thời kỳ quá độ về tư tưởng, với sự ra đời các phong trào yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học và của những trí thức “Tây học” như Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh, các tổ chức xã hội như Đông Kinh Nghĩa Thục, Công hội Đỏ, trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Đó là tính đa dạng hướng đến mục tiêu thống nhất của phong trào yêu nước Việt Nam. Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Lương Văn Can vốn là những nho sĩ, nhưng tìm cách vượt qua khuôn khổ ý thức hệ Nho gia, trở thành những nhà yêu nước có tư tưởng cải cách, biết tiếp thu tinh hoa và kinh nghiệm của nhân loại trong quá trình xác lập lý luận về giải phóng dân tộc. Có thể nói, ở những mức độ nhất định, họ đều là những nhà dân tộc chủ nghĩa, lấy lợi ích dân tộc làm nền tảng lý luận của mình. Tuy nhiên tư tưởng yêu nước của họ, từ “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh” (Phan Chu Trinh), đến “khai sáng dân tộc” (các đại diện của phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục), kết hợp giải phóng dân tộc với việc hướng đến chế độ cộng hòa, dân chủ (Phan Bội Châu) đều không thành công.

Đánh giá về các nhà yêu nước thời kỳ này, Nguyễn Tất Thành nhận định: “Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người

Pháp thực hiện cải lương... chẳng khác gì xin giặc rủ lòng thương. Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì ‘đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau’. Cụ Hoàng Hoa Thám... nặng cốt cách phong kiến” (theo Trần Dân Tiên, 1995: 12-13).

Nhận thấy những hạn chế lịch sử của các bậc tiền bối, với sự nhạy bén, bản lĩnh và tầm nhìn của một thanh niên yêu nước, nung nấu ý chí giải phóng dân tộc, năm 1911 Nguyễn Tất Thành đã rời bến Nhà Rồng, đến nước Pháp với mục đích ban đầu là xem xét, học hỏi nước Pháp và các nước khác để trở về giúp đồng bào mình (xem Trần Dân Tiên, 1995: 14).

Bản *Sơ thảo*<sup>(2)</sup> của Lênin đến tay Nguyễn Ái Quốc vào mùa thu năm 1920, khi phong trào công nhân thế giới trải qua những chuyển biến phức tạp, với sự lựa chọn giữa hai đường lối, thể hiện ở sự phân biệt Quốc tế Xã hội chủ nghĩa (Quốc tế II) và Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III), sự nổi lên của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại. Nhiều lãnh đạo của Quốc tế II về hình thức tuyên bố theo lập trường cộng sản chủ nghĩa, song trên thực tế lại xuyên tạc bản chất của chủ nghĩa Mác, phủ nhận cách mạng xã hội và đấu tranh giai cấp, chủ trương thỏa hiệp với chính quyền tư sản, biện minh cho chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi và chủ nghĩa sô vanh nước lớn (chauvinism), bênh vực các thế lực thực dân, đế quốc trong chính sách cướp bóc, nô

dịch các dân tộc thuộc địa. Chính trong bối cảnh ấy, Nguyễn Ái Quốc đã tiếp cận với bản “Sơ thảo” của Lênin. Sự kiện này trở thành điểm ngoặt trong chuyển biến tư tưởng của Người. Về nội dung, bản “Sơ thảo” chứa đựng những tư tưởng lớn, trong đó nổi bật 4 luận điểm gắn kết với nhau. *Thứ nhất*, quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc trong quá trình chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn phát triển cao nhất của nó - chủ nghĩa đế quốc. Trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Nguyễn Tất Thành đã suy nghĩ về sự bất công giữa các dân tộc, sự khác nhau giữa người Pháp “ở nước Pháp”, quê hương của các nhà khai sáng, các nhà cách mạng như Ch. Montesquieu, F.M. Voltaire, J.J. Rousseau, M. Robespierre, và người Pháp đi “khai hóa” các dân tộc, trong đó có Việt Nam. Đọc *Sơ thảo* của V.I. Lênin, Nguyễn Ái Quốc càng thấm thía sự khác nhau này. Trong *Sơ thảo*, V.I. Lênin (1977: 199) nhấn mạnh sự cần thiết phân biệt một cách rõ ràng “những dân tộc bị áp bức, phụ thuộc, không được hưởng quyền bình đẳng, với những dân tộc đi áp bức, bóc lột, được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi”. Trước đó, khi Chiến tranh thế giới lần thứ nhất đang diễn ra, trong tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản*, V.I. Lênin đã vạch trần bản chất của chủ nghĩa đế quốc và số phận của các dân tộc bị áp bức. Lênin (1981: 536) viết: “Xét toàn bộ, chủ nghĩa tư bản (giai đoạn chủ nghĩa đế quốc - người viết) phát triển

vô cùng nhanh hơn trước, nhưng nói chung thì sự phát triển đó không những trở thành không đồng đều hơn trước, mà sự phát triển không đồng đều này nói riêng biểu hiện cả ở sự thối nát của các nước có nhiều tư bản nhất. *Thứ hai*, quan hệ giữa cách mạng vô sản và các phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc, hay quan hệ giữa đấu tranh giai cấp ở “chính quốc” và đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Các đại biểu của Quốc tế II đã xem nhẹ mối quan hệ này, chủ trương thỏa hiệp với giai cấp thống trị nhằm xoa dịu mâu thuẫn xã hội, đồng thời biện hộ cho các thế lực thực dân mới trong nỗ lực các dân tộc. Đối lập với quan điểm của các đại diện Quốc tế II, Lênin và những nhà mácxít khác trong Quốc tế Cộng sản xem quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, giữa cách mạng vô sản và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc tại các nước thuộc địa là sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối của mình. Trong *Sơ thảo*, từ việc thừa nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc, quyền tự quyết dân tộc, V.I. Lênin kêu gọi nâng cao trách nhiệm của các tổ chức quốc tế một mặt vạch trần tội ác của chủ nghĩa đế quốc, bênh vực các dân tộc bị áp bức, mặt khác tìm các biện pháp, phương thức ủng hộ, giúp đỡ các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh chính nghĩa vì độc lập và quyền tự quyết. Phong trào vô sản “chính quốc” cần liên kết chặt chẽ với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa, các nhà cách mạng vô sản cần phối hợp, liên kết

chặt chẽ với các đại diện cho phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước khác. Sự phối hợp, liên kết này tạo nên sức mạnh tổng hợp trong quá trình đấu tranh cách mạng trên bình diện toàn cầu. Nước Nga Xô-viết cần đóng vai trò tiên phong trong cách mạng toàn thế giới, là cơ sở, nền tảng và nguồn cổ vũ lớn lao cho các dân tộc bị áp bức (xem V.I. Lênin, 1977: 295). *Thứ ba*, đối với các cuộc đấu tranh tại các nước thuộc địa cần thực hiện hai nhiệm vụ song song là giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, giành lấy độc lập và cải tạo xã hội theo con đường xã hội chủ nghĩa. Các lực lượng cách mạng, xuất thân từ giai cấp công nhân, nông dân, các tầng lớp xã hội tiến bộ, không chỉ liên kết với nhau để đánh đuổi kẻ xâm lược ngoại bang, mà còn đấu tranh loại bỏ chính quyền bù nhìn, các thế lực tay sai cho đế quốc, thực dân. *Thứ tư*, liên kết các dân tộc bị áp bức, sát cánh bên nhau chống kẻ thù chung và hợp tác trong quá trình khôi phục đất nước, lựa chọn con đường phát triển theo xu thế chung và lấy lợi ích dân tộc, với những đặc thù về truyền thống, bản sắc, tâm lý làm nền tảng. Tình trạng áp bức và bất bình đẳng dân tộc chỉ được khắc phục khi nào “vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản. Bởi vì chỉ có sự gần gũi ấy mới bảo đảm việc chiến thắng chủ nghĩa tư bản” (V.I. Lênin, 1977: 199). Trong

*Chủ nghĩa đế quốc giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản*, V.I. Lênin (1981: 532) cũng đã nhấn mạnh rằng sự áp bức dân tộc và vi phạm quyền độc lập của các dân tộc đã thức tỉnh nhiều dân tộc đứng lên liên kết với nhau thành một mặt trận chống kẻ thù chung và tự giải phóng.

Bốn luận điểm cơ bản ấy trong *Sơ thảo* của Lênin có giá trị thời đại sâu sắc, nhất là đối với các dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập và xây dựng xã hội mới. Bản *Sơ thảo* đã được Nguyễn Ái Quốc đón nhận, xem đây là nguồn cổ vũ và kim chỉ nam cho các dân tộc bị áp bức, trong đó có dân tộc Việt Nam. Trong Lời phát biểu tại Đại hội toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp, diễn ra vào cuối tháng 12/1920, Nguyễn Ái Quốc đứng về phía Quốc tế thứ III, vì theo luận của Người, tổ chức ấy “đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 23). Bắt đầu từ đây, “sự nghiệp của người bản xứ gắn mật thiết với sự nghiệp của vô sản toàn thế giới” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 469).

Nhận thức đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội là điểm nhấn đầu tiên, và cũng là nền tảng của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc. Đối với Người, giải quyết vấn đề dân tộc không tách rời những vấn đề mang tính nhân loại. Người nhấn mạnh: “vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới gắn chặt với vận mệnh của giai

cấp bị áp bức ở các nước thuộc địa” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 273). Luận điểm nền tảng này xuyên suốt quá trình hoạt động cách mạng của Người. Trong bài *Cách mạng Nga và các dân tộc thuộc địa*, Nguyễn Ái Quốc viết về bản chất của chủ nghĩa tư bản và sự cần thiết đoàn kết giai cấp vô sản ở chính quốc và giai cấp vô sản thuộc địa: “Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 298). Người tiếp tục làm rõ vấn đề này trong nhiều bài viết, tác phẩm khác, từ *Đường Kách mệnh* - tác phẩm có tính chất tiền đề lý luận cho quá trình hình thành các tổ chức cách mạng mácxít - đến *Di chúc*, di huấn chính trị cuối cùng.

Lựa chọn chính trị của Nguyễn Ái Quốc có điểm khác với Tôn Trung Sơn, dù Người đánh giá cao nhà cách mạng này, xem tư tưởng Tam dân của ông rất gần với mục tiêu phấn đấu của dân tộc Việt Nam. Tôn Trung Sơn (1866 - 1925) trong chủ nghĩa Tam dân đã đánh giá cao C. Mác, xem học thuyết của Mác là tập đại thành của tư tưởng nhân loại (Tôn Trung Sơn, 1995: 323), nhưng ông không tán thành học thuyết đấu tranh giai cấp, học thuyết giá trị thặng dư của Mác, nếu vận dụng vào điều kiện xã hội đương đại (xem Tôn Trung Sơn, 1995: 332-338). Ngược lại, Nguyễn Ái Quốc

thông qua *Sơ thảo* của Lênin đã từng bước tiếp thu chủ nghĩa Mác, đồng thời nhấn mạnh sự cần thiết “bổ sung cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 465).

### **3. TỪ SƠ THẢO LẦN THỨ NHẤT NHỮNG LUẬN CƯƠNG VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA CỦA LÊNIN ĐẾN “CHỦ NGHĨA DÂN TỘC” HỒ CHÍ MINH**

Xin được nhấn mạnh rằng, không nên đồng nhất chủ nghĩa dân tộc với quan điểm, hay lý luận về dân tộc. Trong cội nguồn sâu xa và biểu hiện phổ biến chủ nghĩa dân tộc (từ tiếng Pháp: nationalisme; tiếng Anh: nationalism) được xem là hệ tư tưởng và khuynh hướng trong chính trị, với nguyên tắc nền tảng là khẳng định giá trị dân tộc như *hình thức cao nhất* của sự thống nhất xã hội, *tính thứ nhất* của nó trong quá trình hình thành nhà nước có chủ quyền. Cơ sở của chủ nghĩa dân tộc là tuyên truyền về lòng tin và sự trung thành đối với dân tộc, sự độc lập về chính trị và cống hiến cho lợi ích nhân dân, cho sự phát triển văn hóa và tinh thần, sự liên kết tự ý thức dân tộc nhằm bảo vệ những điều kiện sinh tồn của dân tộc, lãnh thổ, tài nguyên kinh tế và giá trị tinh thần. Chủ nghĩa dân tộc dựa trên tình cảm dân tộc, gắn kết với *chủ nghĩa yêu nước*. Hệ tư tưởng này hướng đến việc thống nhất các tầng lớp xã hội khác nhau, vượt qua những lợi ích giai cấp đối lập. Nó có khả năng huy động sức mạnh của dân tộc nhằm đạt được mục tiêu

chính trị chung. Nếu hiểu chủ nghĩa dân tộc như vậy, thì một số yếu tố của nó hiện diện trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc và những giá trị mang tính bản sắc của dân tộc. “Chủ nghĩa dân tộc” Hồ Chí Minh, nếu có thể gọi như vậy, khác với chủ nghĩa dân tộc “thuần túy” hay các biến tướng cực đoan của chủ nghĩa dân tộc. Hơn nữa, căn cứ nội hàm của chủ nghĩa dân tộc như đã nêu trên, Hồ Chí Minh chưa bao giờ là một người dân tộc chủ nghĩa theo nghĩa trực tiếp của từ đó. Người đề cao sự gắn kết cách mạng xã hội và cách mạng giải phóng dân tộc, nên trong Đại hội Tua (Tours), Người đã chọn Quốc tế III, do V.I. Lênin tổ chức và lãnh đạo. Trong quá trình hình thành tư tưởng về giải phóng dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh biện chứng giữa lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc, lợi ích nhân loại, biện chứng cái phổ biến - cái đặc thù, mà Lênin là người đã truyền lửa vào tính thống nhất biện chứng đó. Nguyễn Ái Quốc viết: “Trong cơn mắt của các dân tộc thuộc địa, trong lịch sử cuộc đời khổ đau và bị mất quyền của các dân tộc thuộc địa, V.I. Lênin là người đã sáng tạo ra cuộc đời mới, là ngọn hải đăng chỉ dẫn con đường đi tới giải phóng cho toàn thể nhân loại bị áp bức” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 1: 137). Chính Lênin “là người đầu tiên đã nhận thức rằng nếu không có sự tham gia của nhân dân các nước thuộc địa thì không thể có cách mạng xã hội” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 2: 219).

Hiện nay trên thế giới nhiều phong trào chính trị nhấn mạnh màu sắc *dân tộc chủ nghĩa* của mình, dẫn đến tính bất khoan dung về sắc tộc, văn hóa, tôn giáo. Hai biến tướng cực đoan trong chủ nghĩa dân tộc thường thấy là “chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi” (chỉ thấy tính đặc thù dân tộc, xem nhẹ tính nhân loại, chủ trương biệt lập, khép kín, bài ngoại), và chủ nghĩa sô vanh (tuyên truyền về tính ưu việt của dân tộc nhằm luận chứng cho quyền phân biệt đối xử và nô dịch các dân tộc khác). Bên cạnh đó còn xuất hiện chủ nghĩa dân tộc dân túy trong đời sống chính trị hiện nay, tạo nên bức tranh phức tạp và đa dạng về vấn đề dân tộc, mối quan hệ giữa các vấn đề dân tộc và nhân loại (xem Đinh Ngọc Thạch, 2019: 315-323).

Trong bài viết *Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất là chủ nghĩa dân tộc vô sản*, tác giả Dương Quốc Dũng (19/5/2011) cho rằng: “Luận điểm ‘thực chất tư tưởng Hồ Chí Minh là chủ nghĩa dân tộc’ là một luận điệu có ý đồ chính trị rõ ràng, muốn ‘lập lòe đánh lận con đen’, muốn tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh với chủ nghĩa Mác - Lênin, tách rời độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thực chất là cố gắng cho quan điểm muốn nước ta từ bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa, từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội”.

Chúng tôi chia sẻ với sự cảnh giác của tác giả Dương Quốc Dũng đối với mưu đồ “tách rời” như trên. Tuy nhiên, trong lịch sử, trên nền chung của một

học thuyết “chính thống” thường tồn tại các phương án khác nhau, những “dị bản” từ bản chính xét trong những điều kiện cụ thể. Chủ nghĩa Mác sau khi C. Mác qua đời đã được phổ biến tại nhiều khu vực, từ đó hình thành các phương án “khu vực hóa”, thậm chí “bản địa hóa” Mác cho phù hợp với không gian xã hội mới. Điều này là bình thường, vì không thể có một hình mẫu chung, một thứ chân lý cho mọi dân tộc, mọi thời đại, như Ph. Ăngghen từng nhấn mạnh khi phê phán học thuyết về chân lý “tuyệt đỉnh” do Đuyrinh (Duhring) nêu ra (xem C. Mác và Ph. Ăngghen, 1994, tập 20: 124, 127, 128, 129, 132). G. Đêrिđã (Jacques Derrida) trong tác phẩm *Những bóng ma của Mác* đã xem học thuyết của Mác là học thuyết “cứu thế mới”, “sự đảm bảo cho tương lai nhân loại” (xem G. Đêrिđã, 1994: 140, 190, 191). Trong tác phẩm này Đêrिđã phân biệt “chủ nghĩa Mác của Mác” và chủ nghĩa Mác “cực quyền hóa”, “toàn trị hóa” (mô hình Liên Xô), đồng thời xem chủ nghĩa Mác “nguyên bản” là sự “cứu thế mới” vì nó dựa trên thực tiễn xã hội, và có cơ sở khoa học trong các luận giải về con người và giải phóng con người.

Có nên gọi tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc là chủ nghĩa dân tộc theo cách hiểu mới, hay chủ nghĩa dân tộc kiểu mới, như Đêrिđã từng gọi học thuyết của Mác là học thuyết “cứu thế mới” hay không? Đây là câu chuyện cần được tiếp tục trao đổi, làm rõ và bổ sung những ý tưởng thực tế, thay

vì những tuyên bố mang nặng tính giáo huấn một chiều và định kiến. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, về sự lựa chọn con đường đấu tranh cách mạng trong điều kiện những năm 20 - 30 của thế kỷ XX đương nhiên chứa đựng những yếu tố gắn với chủ nghĩa dân tộc, xét theo nội hàm của khái niệm đó, song Người đã thoát ra khỏi hình thức chật hẹp của nó. Vì thế, chúng tôi đặt vấn đề về “chủ nghĩa dân tộc” Hồ Chí Minh (chúng tôi đưa thuật ngữ này vào ngoặc kép trong bài viết của mình) như một cách diễn đạt về vị trí của vấn đề dân tộc trong tư tưởng của Người, hơn là một bản thiết kế hoàn bị về “chủ nghĩa dân tộc” Hồ Chí Minh như một chủ thuyết chính trị.

Tích hợp văn hóa Đông - Tây và tinh thần quốc tế vô sản là nét tiêu biểu của văn hóa chính trị Hồ Chí Minh, làm sống động thêm hệ thống tư tưởng của Người, kết tinh những giá trị và lý tưởng tốt đẹp của dân tộc và nhân loại. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, dân tộc và nhân loại, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản thống nhất với nhau. Đó là thông điệp chính trị, hành trang tư tưởng của Người từ khi Người tiếp thu cả nội dung lẫn tinh thần của *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin. Nghiên cứu các học thuyết khác nhau, Hồ Chí Minh luôn mong muốn gắn kết chúng với hệ giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam. Người nhận thấy, Phật tử có tư tưởng đại từ đại bi, cứu



khổ cứu nạn (Hồ Chí Minh, 2000, tập 5: 197), Khổng Tử có quan niệm về “nhân”, “lễ”, “chính danh” và “thiên hạ đại đồng”, Jesus thì “cho loài người quyền tự do và dạy loài người lòng bác ái” (Hồ Chí Minh, 2000, tập 5: 333).

Đồng chí John Golan, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Anh, trong thư chia buồn về sự ra đi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã viết: “Không một dân tộc nào làm cho tôi cảm xúc như người Việt Nam, tận tụy nhưng không cuồng tín, nhỏ bé nhưng không hề khuất phục, yêu chuộng hòa bình nhưng đã kiên quyết tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng. Đồng chí Hồ Chí Minh đã tượng trưng cho tất cả những điều đó” (Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch, 1976: 473).

Thực tế cho thấy, chủ nghĩa yêu nước, tinh thần độc lập, ý chí tự cường của nhân dân ta đã trở thành máu thịt, thành lẽ sống từ ngàn xưa đến hôm nay. Song làm sao để những giá trị thiêng liêng ấy tiếp tục góp lửa cho sự nghiệp đổi mới, lại cần đến hàng loạt chính sách đòn bẩy, nhằm nâng cao hơn nữa khả năng sáng tạo của con người, sự tự do và đột phá, hiến kế cho Đảng, Nhà nước trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc, tích cực và chủ động hội nhập quốc tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu lớn của dân tộc.

Tiếp thu và kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất lợi ích dân tộc và chủ nghĩa xã hội, biện chứng giai cấp - dân tộc - nhân loại, Đảng Cộng

sản Việt Nam (2016: 69), nhấn mạnh “phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết”, “bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia, dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế”.

#### 4. THAY LỜI KẾT

*Bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin có ý nghĩa quyết định đối với sự lựa chọn chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Bốn luận điểm cơ bản trong *Sơ thảo* trở thành hành trang tư tưởng, xuyên suốt cuộc đời vì nước vì dân của Người. Phát huy tinh thần của *Sơ thảo* và tư tưởng Hồ Chí Minh về biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản, giải phóng dân tộc và giải phóng nhân loại bị áp bức, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên trì đường lối đổi mới, khẳng định quyền tự quyết và lợi ích dân tộc, đồng thời đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Cách tiếp cận như thế là minh chứng về một thế giới mở, thế giới của sự cộng hưởng giá trị trong quan hệ giữa các dân tộc. Chủ động và tích cực hội nhập, tự tin vươn ra biển lớn của văn hóa - văn minh nhân loại, tham gia có trách nhiệm vào sinh hoạt quốc tế, đó là thông điệp của thời đại mới, được hun đúc, bồi đắp bởi truyền thống dân tộc, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Kế thừa tư tưởng Hồ Chí Minh về biện chứng lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại, Đại hội lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh việc

tiếp thu, tiếp biến các giá trị bên ngoài, đồng thời quảng bá hệ giá trị truyền thống Việt Nam ra thế giới: “Chủ động mở rộng hợp tác văn hóa với các nước; tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, làm phong phú thêm văn hóa dân tộc. Chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua các thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016: 130).

Đối với dân tộc Việt Nam chủ nghĩa yêu nước, lòng tự tôn dân tộc không

tách rời nhu cầu mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế, làm bạn với tất cả trên tinh thần hiếu khách. Càng yêu nước, càng hy sinh vì nền độc lập, chúng ta càng thiết tha với hòa bình, càng yêu thương con người, càng ý thức sâu sắc về sự đoàn kết, tương thân tương ái, chia sẻ, nghĩa tình, và càng không nhượng bộ với kẻ thù, không bao giờ chấp nhận những thế lực gây bất ổn định, làm tổn hại đến vị thế của đất nước. □

### CHÚ THÍCH

<sup>(1)</sup> Tác giả sử dụng điển đạt này của C. Mác trong bài viết *Ngày 18 tháng sương mù của Lu-i Bô-na-pác*.

<sup>(2)</sup> Bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* được V.I. Lênin soạn thảo trong khoảng thời gian từ cuối tháng 6 đến đầu tháng 7/1920, trình bày tại Đại hội lần thứ II của Quốc tế Cộng sản (từ 19/7 đến 7/8). Trước khi Đại hội diễn ra, nội dung của *Sơ thảo* đã được đăng trên tạp chí *Quốc tế Cộng sản*, số 11 (14/7/1920), sau đó được đăng tải trên báo *Nhân đạo* (L'Humanité), cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp (16 và 17/7/1920).

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Dương Quốc Dũng. 2011. “Chủ nghĩa dân tộc trong tư tưởng Hồ Chí Minh thực chất”. *Tạp chí Cộng sản*: <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Thong-tin-ly-luan/2011/12006/Chu-nghia-dan-toc-trong-tu-tuong-Ho-Chi-Minh-thuc-chat.aspx>; ngày 19/5/2011.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2016. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Văn phòng Trung ương Đảng. Hà Nội.
3. Đêrđă, G. 1994. *Những bóng ma của Mác* (sách dịch). Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia và Tổng cục II Bộ Quốc phòng.
4. Đinh Ngọc Thạch (chủ biên). 2019. *Triết học chính trị phương Tây hiện đại - Giá trị và ý nghĩa*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
5. Hồ Chí Minh. 2000. *Toàn tập* - tập 1, 2, 5. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
6. V.I. Lênin. 1977. *Toàn tập* - tập 41. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.
7. V.I. Lênin. 1981. *Toàn tập* - tập 27. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.
8. Locke, John. 2007. *Khảo luận thứ hai về chính quyền* (Lê Tuấn Huy dịch và giới thiệu) Hà Nội: Nxb. Tri thức.

9. C. Mác và Ph. Ăngghen. 1994. *Toàn tập* - tập 20. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
10. Tôn Trung Sơn. 1995. *Chủ nghĩa Tam dân* (Nguyễn Như Diệm, Nguyễn Tu Tri dịch). Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*. 1976. Hà Nội: Nxb. Sự thật.
12. Trần Dân Tiên. 1995. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.